

Số: 36/2017/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Khoản 2, Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 669/TTr-HĐND ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Ban Pháp chế của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 104/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Bãi bỏ Điều 3 Nghị quyết số 27/2010/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- Báo Đắk Lắk; Đài PTTH tỉnh;
- Công báo tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, C/HĐND.



Y Biêr Niê

QUY ĐỊNH

**Về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động
của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND,
ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh; đại biểu HĐND huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện); đại biểu HĐND xã, phường, thị trấn (cấp xã) trên địa bàn tỉnh, gồm: Hoạt động tiếp xúc cử tri; giám sát, khảo sát; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu thông tin; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu; Chi hỗ trợ soạn thảo các báo cáo, nghị quyết cá biệt và các hoạt động khác của HĐND.

2. Các chế độ, chính sách khác có liên quan đến hoạt động của HĐND các cấp không có trong quy định này được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ Đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và đại biểu HĐND hoạt động không chuyên trách ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã;

2. Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp tham mưu, phục vụ hoạt động của HĐND.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Kinh phí hoạt động hàng năm của HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo. Nội dung và định mức chi được thực hiện trong dự toán ngân sách hàng năm do HĐND cùng cấp quyết định.

2. Trường hợp đại biểu HĐND tham gia hai cấp, thì các chế độ: may lễ phục; chế độ phục vụ nghiên cứu; khám, chăm sóc sức khỏe, tiếp xúc cử tri chỉ được hưởng ở mức cao nhất (ở cấp cao hơn);

3. Trường hợp đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và là thành viên các Ban của HĐND thì các chế độ có liên quan chỉ được hưởng ở mức cao nhất.

4. Việc chi phục vụ cho đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các đại biểu tham gia đoàn công tác do HĐND cấp triệu tập đảm bảo.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Chế độ đối với hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát độc lập

Đại biểu HĐND tham gia tiếp xúc cử tri, giám sát độc lập được hưởng chế độ như sau:

1. Đại biểu HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/người/năm.
2. Đại biểu HĐND cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/năm.
3. Đại biểu HĐND cấp xã: 500.000 đồng/người/năm.

Điều 5. Chế độ đối với hoạt động giám sát, khảo sát

1. Chi hoạt động giám sát tại các kỳ họp; cuộc họp; hội nghị do HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tổ chức

Ngoài việc được hưởng chế độ công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, khi tham gia giám sát tại các kỳ họp; cuộc họp; hội nghị do HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tổ chức, đại biểu HĐND, khách mời tham dự còn được hưởng các chế độ sau do cơ quan chủ trì tổ chức chi trả:

a) Khi tham dự kỳ họp của HĐND:

- Bồi dưỡng chủ tọa kỳ họp: Cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng thư ký kỳ họp: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng đại biểu dự kỳ họp theo giấy mời: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng; phóng viên của Báo, Đài phục vụ: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

b) Khi tham gia các cuộc họp, hội nghị của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND:

- Bồi dưỡng chủ trì cuộc họp/hội nghị: Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 70.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng thư ký cuộc họp/hội nghị: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 75.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng đại biểu dự cuộc họp/hội nghị theo giấy mời: Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 50.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng; phóng viên của Báo, Đài phục vụ: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 25.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp kỳ họp, cuộc họp, hội nghị trùng vào các ngày thứ 7, chủ nhật, ngày lễ thì được tính bằng 200% mức chi của ngày bình thường.

2. Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát

a) Đối với hoạt động giám sát của HĐND:

- Chi xây dựng kế hoạch, đề cương và quyết định thành lập Đoàn giám sát (gọi chung là bộ văn bản): Cấp tỉnh: 1.500.000 đồng/bộ; cấp huyện: 1.000.000 đồng/bộ; cấp xã: 500.000 đồng/bộ.

- Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát của đoàn: Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/báo cáo; cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo; cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

- Chi xây dựng nghị quyết thông qua kết quả giám sát của đoàn: Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/ng nghị quyết; cấp huyện: 1.000.000 đồng/ng nghị quyết; cấp xã: 500.000 đồng/ng nghị quyết.

b) Đối với hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: định mức chi xây dựng các văn bản tương ứng bằng 70% định mức chi đối với hoạt động giám sát của HĐND quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Đối với hoạt động khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND: định mức chi xây dựng các văn bản tương ứng bằng 50% định mức chi đối với hoạt động giám sát của HĐND quy định tại Điểm a Khoản này.

d) Đối với hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND: định mức chi xây dựng các văn bản tương ứng bằng 40% định mức chi đối với hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND quy định tại Điểm a Khoản này

3. Chi cho các đối tượng tham gia đoàn giám sát, khảo sát

a) Trong thời gian thực hiện giám sát, khảo sát, ngoài chế độ công tác phí theo quy định của pháp luật, thành viên đoàn giám sát, khảo sát còn được hưởng các chế độ chi bồi dưỡng như sau:

- Trưởng đoàn cấp tỉnh: 150.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 100.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 70.000 đồng/buổi/người.

- Thành viên đoàn cấp tỉnh: 100.000 đồng/buổi/người; cấp huyện: 50.000 đồng/buổi/người; cấp xã: 30.000 đồng/buổi/người.

- Bồi dưỡng cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng; phóng viên của Báo, Đài phục vụ: Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi; cấp huyện: 40.000 đồng/người/buổi; cấp xã: 20.000 đồng/người/buổi.

b) Chi thuê chuyên gia: Tùy theo nội dung và tính cấp thiết của chuyên đề giám sát, khảo sát, Thường trực HĐND xem xét ký hợp đồng với chuyên gia để phục vụ hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, với mức chi tối đa như sau:

- Đối với hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND tỉnh: 3.000.000 đồng/chuyên đề.

- Đối với hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND cấp huyện: 1.000.000 đồng/chuyên đề.

- Đối với hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND cấp xã: 500.000 đồng/chuyên đề.

Điều 6. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ

Đại biểu HĐND được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng, với mức như sau:

1. Đại biểu HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/người/năm.

2. Đại biểu HĐND cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/năm.

3. Đại biểu HĐND cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu HĐND (không bao gồm đại biểu tái cử) được hưởng bằng 50% mức chi tại Khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 7. May lễ phục

1. Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được hỗ trợ tiền may lễ phục, với mức hỗ trợ như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh: 5.000.000 đồng/người.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện: 3.000.000 đồng/người.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã: 1.000.000 đồng/người.

2. Trong 01 nhiệm kỳ phục vụ hoạt động của HĐND, cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng được hỗ trợ tiền may trang phục với mức hỗ trợ bằng 50% mức quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Chế độ phục vụ nghiên cứu

1. Đại biểu HĐND được khoán kinh phí để khai thác báo chí, thông tin với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh
 - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 400.000 đồng/người/tháng.
 - Thành viên các Ban của HĐND tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng.
 - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 200.000 đồng/người/tháng.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện
 - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 200.000 đồng/người/tháng.
 - Thành viên các Ban của HĐND cấp huyện: 150.000 đồng/người/tháng.
 - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 100.000 đồng/người/tháng.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã
 - Đại biểu hoạt động chuyên trách: 100.000 đồng/người/tháng.
 - Đại biểu hoạt động không chuyên trách: 50.000 đồng/người/tháng.

2. Hàng năm, đại biểu HĐND được cấp kinh phí để nghiên cứu tài liệu phục vụ việc thông qua nghị quyết quy phạm pháp luật tại các kỳ họp của HĐND, với mức như sau:

- a) Đại biểu HĐND tỉnh 3.000.000 đồng/người/năm.
- b) Đại biểu HĐND cấp huyện: 500.000 đồng/người/năm.
- c) Đại biểu HĐND cấp xã: 300.000 đồng/người/năm.

Điều 9. Chế độ nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu

Đại biểu HĐND được hưởng chế độ khi tham gia nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, bồi dưỡng nghiệp vụ. Mức hưởng do Thường trực HĐND quyết định căn cứ vào nhu cầu, điều kiện kinh phí.

Điều 10. Chi hỗ trợ soạn thảo các báo cáo, nghị quyết cá biệt và các hoạt động khác của HĐND

1. Chi hỗ trợ soạn thảo các báo cáo, nghị quyết cá biệt khác (gọi chung là văn bản) do Thường trực HĐND, các Ban của HĐND soạn thảo được thông qua tại kỳ họp HĐND, với mức như sau:

- a) Cấp tỉnh: 500.000 đồng/văn bản;
- b) Cấp huyện: 300.000 đồng/văn bản;
- c) Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản;

2. Hỗ trợ kinh phí hoạt động của Tổ đại biểu HĐND, với mức như sau:

- a) Tổ đại biểu HĐND tỉnh: 500.000 đồng/người/năm.
- b) Tổ đại biểu HĐND cấp huyện: 200.000 đồng/người/năm.

3. Hỗ trợ tham gia công tác xã hội

a) Khi Thường trực HĐND tổ chức thăm hỏi các tập thể, cá nhân có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các trường hợp gặp rủi ro do thiên tai; các tập thể, cá nhân thuộc diện chính sách xã hội được hỗ trợ kinh phí tặng quà với mức (không quá 02 lần/năm/đối tượng) như sau:

- Mức tặng quà cho tập thể: Cấp tỉnh: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã: 400.000 đồng/lần/đối tượng.

- Mức tặng quà cho cá nhân: Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện: 500.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã: 200.000 đồng/lần/đối tượng.

b) Đại biểu HĐND; nguyên Đại biểu HĐND; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng) của đại biểu HĐND bị ốm, đau; bị mắc bệnh hiểm nghèo; từ trần được Thường trực HĐND tổ chức đi thăm hỏi, trợ cấp với mức (không quá 02 lần/năm/đối tượng) như sau:

- Thăm hỏi khi ốm đau: Cấp tỉnh: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện: 500.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã: 100.000 đồng/lần/đối tượng.

- Trợ cấp một lần khi mắc bệnh hiểm nghèo; từ trần: Cấp tỉnh: 3.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp huyện: 2.000.000 đồng/lần/đối tượng; cấp xã: 1.000.000 đồng/lần/đối tượng.

c) Đại biểu HĐND được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ HĐND. Mức chi được thực hiện theo kế hoạch tổng kết nhiệm kỳ của Thường trực HĐND.

d) Việc trợ cấp, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng khác do Thường trực HĐND quyết định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào chế độ, định mức chi tiêu tài chính hiện hành của nhà nước và các định mức chi tiêu, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện để đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp.

2. Hàng năm, Văn phòng HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, UBND cấp xã lập dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND cấp mình gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Thường trực HĐND tỉnh để tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê